

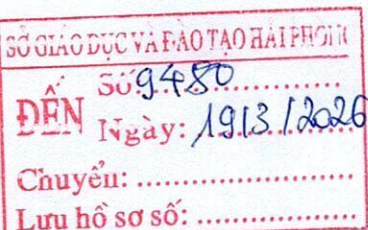
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 395/ĐHKH-ĐT
V/v thông báo tuyển sinh đào tạo
trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: - Các viện nghiên cứu, trường đại học, học viện và cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp và tổ chức kinh tế;
- Trường phổ thông, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế và các tổ chức chính trị - xã hội.



Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 23/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Thông báo số 381/TB-ĐHKH ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học về việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 với 11 ngành đào tạo như sau: Phương pháp Toán sơ cấp; Toán ứng dụng; Quang học; Văn học Việt Nam; Hóa phân tích; Quản lý tài nguyên và môi trường; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; Công nghệ sinh học; Khoa học quản lý; Báo chí học.

Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên kính nhờ Quý cơ quan thông báo rộng rãi tới cán bộ, giáo viên của đơn vị được biết và đăng ký dự tuyển.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KHOA HỌC
PGS.TS. Phạm Thế Chính

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026

Căn cứ Thông báo số 946/TB-ĐHTN ngày 27/02/2026 của Đại học Thái Nguyên về việc thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026, Thông báo số 1091/TB-ĐHTN ngày 10/3/2026 của Đại học Thái Nguyên về việc điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026; Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 như sau:

1. Ngành đào tạo - mã ngành - chỉ tiêu

| TT | Ngành đào tạo | Mã ngành | Chỉ tiêu |
|----|--|----------|----------|
| 1 | Phương pháp Toán sơ cấp | 8460113 | 35 |
| 2 | Toán ứng dụng | 8460112 | 45 |
| 3 | Quang học | 8440110 | 20 |
| 4 | Văn học Việt Nam | 8220121 | 60 |
| 5 | Hóa phân tích | 8440118 | 20 |
| 6 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 8850101 | 20 |
| 7 | Công nghệ sinh học | 8420201 | 10 |
| 8 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 8229015 | 20 |
| 9 | Khoa học quản lý | 8340401 | 60 |
| 10 | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | 8380106 | 25 |
| 11 | Báo chí học | 8320101 | 30 |

2. Phương thức tuyển sinh và thời gian tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.
- Thời gian tuyển sinh: Ngày 08/5/2026.

3. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: chính quy
- Thời gian đào tạo: Từ 1,5 – 2,0 năm.

4. Môn thi tuyển, xét tuyển

a) Môn thi tuyển (ngoại ngữ đầu vào)

- Môn thi tuyển là môn tiếng Anh.
- Người dự tuyển có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại Mục 7 của Thông báo này không phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào.

b) Môn xét tuyển: Gồm môn Cơ sở và môn Chủ chốt

- Môn xét tuyển được lựa chọn là 02 học phần quan trọng trong các học phần bắt buộc theo yêu cầu của ngành đào tạo để đánh giá kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học của người dự tuyển.

- Danh mục các học phần được lựa chọn để xét tuyển theo ngành đào tạo như sau:

| TT | Ngành học | Tên môn/ Tổ hợp môn |
|----|----------------------------------|--|
| 1 | Phương pháp Toán sơ cấp | <i>Môn Cơ sở:</i> Giải tích 1 (hoặc một trong các môn: Giải tích 2, Giải tích 3, Giải tích hàm, Không gian topo độ đo và tích phân). <i>Môn Chủ chốt:</i> Đại số tuyến tính 1 (hoặc một trong các môn: Đại số tuyến tính 2, Đại số tuyến tính & Hình học Giải tích 1, Đại số tuyến tính & Hình học Giải tích 2, Đại số đại cương, Đại số hiện đại 1, Đại số hiện đại 2). |
| 2 | Toán ứng dụng | <i>Môn Cơ sở:</i> Giải tích 1 (hoặc một trong các môn: Giải tích 2, Giải tích 3, Giải tích hàm, Không gian topo độ đo và tích phân). <i>Môn Chủ chốt:</i> Đại số tuyến tính 1 (hoặc một trong các môn: Đại số tuyến tính 2, Đại số tuyến tính & Hình học Giải tích 1, Đại số tuyến tính & Hình học Giải tích 2, Đại số đại cương, Đại số hiện đại 1, Đại số hiện đại 2). |
| 3 | Quang học | <i>Môn Cơ sở:</i> Phương pháp Toán lý (hoặc một trong các môn sau: Phương pháp toán lý 1; Toán cho Vật lý; Phương trình toán lý; Cơ học lý thuyết). <i>Môn Chủ chốt:</i> Cơ học lượng tử (hoặc một trong các môn sau: Cơ học lượng tử 1; Cơ học lượng tử 2; Cơ học lượng tử; Cơ học lượng tử nâng cao; Vật lý thống kê; Cơ sở của cơ học lượng tử). |
| 4 | Văn học Việt Nam | <i>Môn Cơ sở:</i> Lí luận văn học (hoặc một trong các môn sau: Nguyên lí lí luận văn học; Tác phẩm và loại thể văn học; Dẫn luận ngôn ngữ; Ngôn ngữ học đại cương; Việt ngữ học đại cương) <i>Môn Chủ chốt:</i> Văn học Việt Nam hiện đại (hoặc một trong các môn sau: Văn học Việt Nam đại cương; Văn học Việt Nam 1900-1945; Lịch sử văn học Việt Nam) |
| 5 | Hóa phân tích | <i>Môn Cơ sở:</i> Hóa đại cương (hoặc một trong các môn: Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, Hóa học cơ sở) <i>Môn Chủ chốt:</i> Hóa phân tích (hoặc một trong các môn: Hoá Hữu cơ; Hoá vô cơ). |
| 6 | Quản lý tài nguyên và môi trường | <i>Môn Cơ sở:</i> Môi trường và phát triển bền vững (hoặc một trong các môn sau: Ô nhiễm môi trường, Các khoa học Trái Đất, Cơ sở khoa học môi trường hoặc Khoa học môi trường đại cương) <i>Môn Chủ chốt:</i> Quản lý môi trường (hoặc một trong các môn: Quản lý tổng hợp tài nguyên, Đánh giá tác động môi trường) |

| | | |
|----|--|--|
| 7 | Công nghệ sinh học | <i>Môn Cơ sở:</i> Tế bào học (hoặc Vi sinh vật) <i>Môn Chủ chốt:</i> Sinh học phân tử (hoặc Di truyền học) |
| 8 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | <i>Môn Cơ sở:</i> Nhập môn và Phương pháp luận sử học (hoặc Lịch sử văn minh thế giới; Lịch sử thế giới hiện đại; Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc). <i>Môn Chủ chốt:</i> Tiến trình Lịch sử Việt Nam (hoặc Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Lịch sử Việt Nam hiện đại; Lịch sử ngoại giao Việt Nam) |
| 9 | Khoa học quản lý | <i>Môn Cơ sở:</i> Lịch sử tư tưởng quản lý (hoặc một trong các môn: Lịch sử chính trị; Lịch sử kinh tế; Lịch sử giáo dục Việt Nam; Lịch sử văn minh thế giới; Phương pháp nghiên cứu quản lý; Phương pháp nghiên cứu khoa học; Phương pháp điều tra xã hội học). <i>Môn Chủ chốt:</i> Khoa học quản lý (hoặc một trong các môn: Quản trị học; Quản lý nguồn nhân lực; Quản lý công; Quản lý văn hoá; Quản lý giáo dục; Quản lý kinh tế; Quản lý tài chính, Hệ thống thông tin quản lý, Hành chính học đại cương). |
| 10 | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | <i>Môn Cơ sở:</i> Triết học Mác - Lê nin. <i>Môn Chủ chốt:</i> Lý luận về Nhà nước và pháp luật (hoặc một trong các môn: Lý luận chung Nhà nước và pháp luật; Lý luận Nhà nước và pháp luật). |
| 11 | Báo chí học | <i>Môn Cơ sở:</i> Triết học Mác - Lê nin. <i>Môn Chủ chốt:</i> Cơ sở lý luận Báo chí Truyền thông. |

5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

(i). Danh mục các ngành phù hợp được dự tuyển ngay

| TT | Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ | Ngành tốt nghiệp đại học |
|----|----------------------------------|--|
| 1 | Phương pháp Toán sơ cấp | Toán học; Sư phạm Toán học. |
| 2 | Toán ứng dụng | Toán học; Sư phạm Toán học; Toán ứng dụng; Toán tin; Toán cơ; Sư phạm Toán - Tin. |
| 3 | Quang học | Vật lý học; Khoa học Vật liệu; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Thiên văn học; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật hạt nhân; Sư phạm Vật lý. |
| 4 | Văn học Việt Nam | Văn học; Sư phạm Ngữ văn; Sáng tác văn học; Ngôn ngữ học; Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam. |
| 5 | Hóa phân tích | Sư phạm Hoá học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa học; Hóa dược; Hóa học. |
| 6 | Quản lý tài nguyên và môi trường | Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường; Địa lý học; Công nghệ /Kỹ thuật môi trường; Khoa học đất; Quản lý đất đai; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên rừng. |

| | | |
|----|--|---|
| 7 | Công nghệ sinh học | Công nghệ sinh học; Sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học; Sư phạm Sinh học; Kỹ thuật xét nghiệm y học. |
| 8 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Lịch sử; Sư phạm Lịch sử. |
| 9 | Khoa học quản lý | Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Quản lý giáo dục; Quản lý văn hóa; Quản lý nhà nước; Quản lý thông tin; Quản trị kinh doanh; Quản lý xã hội; Quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; Chính sách công. |
| 10 | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Luật Thương mại quốc tế. |
| 11 | Báo chí học | Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng. |

(ii). Danh mục các ngành phù hợp phải hoàn thành việc học bổ sung trước khi dự tuyển

| TT | Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ | Ngành tốt nghiệp đại học |
|----|--------------------------------|---|
| 1 | Phương pháp Toán sơ cấp | Toán cơ; Toán - Tin ứng dụng; Khoa học tính toán; Toán ứng dụng; Toán tin; Sư phạm Toán - Tin; Thống kê; Sư phạm Toán - Lý; Tin học; Sư phạm Tin học. |
| 2 | Toán ứng dụng | Khoa học tính toán; Thống kê; Sư phạm Toán - Lý; Tin học; Sư phạm Tin học. |
| 3 | Quang học | Sư phạm kỹ thuật công nghiệp; Sư phạm Công nghệ; Sư phạm Khoa học tự nhiên; Cơ học; Kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật địa vật lý; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật hoá học; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật nhiệt; Kỹ thuật công nghiệp; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Sư phạm Vật lý-Kỹ thuật công nghiệp. |
| 4 | Văn học Việt Nam | Hán - Nôm; Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam; Việt Nam học; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Đông Phương học; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử; Văn hoá học; Lí luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Biên kịch sân khấu; Đạo diễn sân khấu; Lí luận, lịch sử và phê bình điện ảnh - truyền hình; Biên kịch điện ảnh - truyền hình; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Chính trị học; Nhân học; Địa lí học; Tâm lí; Tâm lí học giáo dục; Sư phạm Âm nhạc; Sư phạm Lịch sử - Địa lí; Sư phạm Giáo dục công dân; Sư phạm Văn - Địa; Sư phạm Văn - Sử. |

| | | |
|---|----------------------------------|---|
| 5 | Hóa phân tích | Sư phạm Hoá-Sinh; Khoa học Môi trường; Công nghệ thực phẩm; Dược học; Kỹ thuật xét nghiệm y học; Công nghệ dầu khí và khai thác dầu; Khoa học đất; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật sinh học; Công nghệ sinh học; Sinh học; Công nghệ vật liệu; Quản lý tài nguyên môi trường. |
| 6 | Quản lý tài nguyên và môi trường | Sinh thái học; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Kỹ thuật tài nguyên nước; Bảo vệ thực vật; Quản lý đô thị và công trình; Quy hoạch vùng và đô thị; Thủy văn học; Sư phạm Địa lý; Sinh học; Hóa học; Địa lý tự nhiên; Kỹ thuật tuyển khoáng; Quản lý thủy sản; Địa chất học; Luật; Luật kinh tế; Khoa học quản lý; Quản lý khoa học. <i>* Đối với trường hợp tốt nghiệp đại học ngành khác, người dự tuyển phải: có kinh nghiệm công tác liên quan đến lĩnh vực dự tuyển ít nhất 1 năm, cần học bổ sung kiến thức gồm 6 môn học (19 tín chỉ) trước khi xét tuyển.</i> |
| 7 | Công nghệ sinh học | Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp; Lâm nghiệp; Khoa học Môi trường; Nông học; Phát triển nông thôn; Khoa học cây trồng; Quản lý tài nguyên rừng; Nông nghiệp; Chăn nuôi; Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch. |
| 8 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Giáo dục học; Quản lý giáo dục; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Địa lý; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hoá học; Quản lý văn hoá; Khoa học chính trị; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Xã hội học; Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục; Địa lý học; Quốc tế học; Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Việt Nam học; Báo chí; Truyền thông đại chúng; Thông tin - Thư viện; Lưu trữ học; Bảo tàng học; Xuất bản; Khoa học Quản lý; Quản lý công; Quản lý nhân lực; Quản trị văn phòng; Luật; Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Quân sự; Du lịch. <i>* Đối với trường hợp tốt nghiệp đại học ngành khác, người dự tuyển phải: có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực dự tuyển tính từ ngày kí hợp đồng làm việc đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển; có bằng Lý luận Chính trị từ trình độ Trung cấp trở lên; học bổ sung kiến thức gồm 6 môn học (20 tín chỉ) trước khi xét tuyển.</i> |
| 9 | Khoa học quản lý | Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Kinh tế chính trị; Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước; Chính trị học; Nhân học; Giáo dục công dân; Giáo dục Chính trị; Tôn giáo học; Văn hóa học; Quan hệ quốc tế; Việt Nam học; Lưu trữ học; Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Xã hội học; Thông tin - Thư viện; Kinh tế; Luật; Luật hiến pháp và |

| | | |
|----|--|---|
| | | <p>luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Báo chí; Kinh tế nông nghiệp; Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Thương mại điện tử; Xã hội học; Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam; Các ngành đào tạo giáo viên.</p> <p><i>* Đối với trường hợp tốt nghiệp đại học ngành khác, người dự tuyển phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực dự tuyển tính từ ngày kí hợp đồng làm việc đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển và cần học bổ sung kiến thức gồm 06 môn học (18 tín chỉ) trước khi xét tuyển.</i></p> |
| 10 | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | <p>Triết học; Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước; Chính trị học; Quản lý nhà nước; Giáo dục công dân; Giáo dục Chính trị; Khoa học quản lý; Quản trị nhân lực; Quản lý công; Trinh sát an ninh; Trinh sát cảnh sát; Trinh sát kỹ thuật; Điều tra hình sự; Kỹ thuật hình sự; Kỹ thuật Công an nhân dân; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý trật tự an toàn giao thông; Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân; Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; Hậu cần công an nhân dân; Tình báo an ninh; Biên phòng; Quân sự cơ sở; Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục pháp luật; Lịch sử; Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường.</p> |
| 11 | Báo chí học | <p>Thông tin - thư viện; Quản lý thông tin; Lưu trữ học; Bảo tàng học; Xuất bản; Kinh doanh xuất bản phẩm.</p> <p>Biên kịch sân khấu; Diễn viên sân khấu kịch hát; Đạo diễn sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Nhiếp ảnh; Công nghệ điện ảnh, truyền hình; Thiết kế âm thanh, ánh sáng; Thiết kế công nghiệp; Thiết kế đồ họa; Thiết kế thời trang; Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Hán Nôm; Sáng tác văn học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Xã hội học; Nhân học; Tâm lý học; Việt Nam học; Trung Quốc học; Hàn Quốc học; Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế.</p> |

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học (theo quy định hiện hành) liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

d) Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

e) Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học.

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a) Đối tượng ưu tiên

Người có thời gian công tác liên tục từ 2,0 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành (căn cứ trên quyết định tiếp nhận/ điều động, biệt phái công tác của cơ quan có thẩm quyền); Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ; Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2,0 năm trở lên ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành; Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực do hậu quả của chất độc hoá học.

Người được ưu tiên cần nộp vào hồ sơ dự tuyển giấy tờ hợp lệ xác nhận thuộc đối tượng ưu tiên.

b) Mức ưu tiên

Người dự tuyển diện ưu tiên (kể cả thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) vào kết quả điểm môn Cơ sở.

7. Điều kiện miễn thi điều kiện chuẩn đầu vào

Người dự tuyển được miễn thi điều kiện chuẩn đầu vào ngoại ngữ khi thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (ít nhất 75% tổng số tín chỉ được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài).

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHTN hoặc đơn vị đào tạo của ĐHTN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận: Aptis ESOL International Certificate; Pearson English International Certificate (PEIC); Pearson Test of English Academic (PTE Academic); Versant English Placement Test (VEPT) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Ghi chú:

- Chứng chỉ Aptis ESOL được cấp bởi các công ty hoặc tổ chức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại các Quyết định: Quyết định số 3646/QĐ-BGDĐT ngày 11/11/2022; Quyết định số 4418/QĐ-BGDĐT ngày 22/12/2023; Quyết định số 3043/QĐ-BGDĐT ngày 21/10/2024. Chứng chỉ Aptis ESOL được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại Quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2023;

- Chứng chỉ PEIC được cấp bởi Tập đoàn Giáo dục Pearson được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định số 868/QĐ-BGDĐT ngày 22/3/2023. Chứng chỉ PEIC được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại Quyết định số 93/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024;

- Chứng chỉ PTE Academic được cấp bởi Tập đoàn Giáo dục Pearson được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại các Quyết định: Quyết định số 1568/QĐ-BGDĐT ngày 05/6/2024; Quyết định số 3675/QĐ-BGDĐT ngày 25/11/2024; Quyết định số 3896/QĐ-BGDĐT ngày 06/12/2024; Quyết định số 641/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2025; Quyết định số 1131/QĐ-BGDĐT ngày 24/4/2025. Chứng chỉ PTE Academic được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại Quyết định số 2383/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2024.

- Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT Home Edition không được công nhận trong tuyển sinh và đào tạo sau đại học.

- Văn bằng và bằng điểm đại học, thạc sĩ và tiến sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Chính sách hỗ trợ người học

Nhằm hỗ trợ học viên theo học trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học đáp ứng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, Nhà trường có chính sách giảm 50% mức thu học phí đối với lớp đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường cho học viên tham gia lớp học này (tính từ khi có Quyết định trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ).

9. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Đối với người dự tuyển phải học bổ sung kiến thức: đến hết ngày 25/3/2026.
- Đối với người dự tuyển đã có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định: đến hết ngày 25/4/2026.

- Đối với người dự tuyển phải thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào:

+ Đợt thi ngày 28,29/3/2026: đến hết ngày 20/3/2026.

+ Đợt thi ngày 25,26/4/2026: đến hết ngày 17/4/2026.

10. Liên hệ nộp hồ sơ

- Hồ sơ dự tuyển có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đào tạo (phòng 112) - Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên (*địa chỉ cũ: phường Tân Thịnh - thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên*).

- Điện thoại liên hệ: 0854045999; 0856638222.

- Thông tin tuyển sinh có thể xem trên trang web: <http://tnus.edu.vn>; <http://sdh.tnu.edu.vn>; <https://tuyensinh.tnus.edu.vn> và <https://www.facebook.com/SDH.TNUS>.

Xin mời quét mã QR bên dưới để được tư vấn trực tiếp:



Nơi nhận:

- Các sở, ban ngành, trường học;
- Website;
- QLVB;
- Lưu: VT, ĐT.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Thế Chính

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2026

Căn cứ Thông báo số 943/TB-ĐHTN ngày 27/02/2026 của Đại học Thái Nguyên về việc thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2026, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2026 như sau:

1. Ngành đào tạo - mã ngành - chỉ tiêu tuyển sinh

| TT | Ngành đào tạo | Mã ngành | Chỉ tiêu |
|----|----------------------------------|----------|----------|
| 1 | Hóa sinh học | 9420116 | 02 |
| 2 | Đại số & Lý thuyết số | 9460104 | 01 |
| 3 | Toán ứng dụng | 9460112 | 08 |
| 4 | Quang học | 9440110 | 08 |
| 5 | Hóa học | 9440112 | 05 |
| 6 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 9850101 | 06 |
| 7 | Khoa học quản lý | 9340401 | 05 |

2. Phương thức, thời gian tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.
- Thời gian tuyển sinh: Tháng 5/2026.

3. Điều kiện dự tuyển

Thực hiện quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 1893/QĐ-ĐHTN ngày 25/10/2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên. Cụ thể, người đăng ký dự tuyển cần phải đáp ứng các điều kiện sau:

3.1. Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.



[Handwritten signature]

Danh mục ngành phù hợp của từng ngành đào tạo: xem tại website <https://sdh.tnus.edu.vn/thong-bao/thong-bao-tien-si>

- Văn bằng đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

3.2. Về công bố khoa học

Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

3.3. Về đề cương nghiên cứu

Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

3.4. Về thư giới thiệu

Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu về lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển.

3.5. Về trình độ ngoại ngữ

Phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

c) Chứng chỉ tiếng Anh tương đương trình độ Bậc 4 (theo Khung năng lực tiếng Anh 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

Một số chứng chỉ tiếng nước ngoài minh chứng cho trình độ ngoại ngữ, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển:

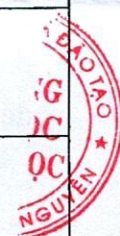
| Stt | Ngôn ngữ | Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận | Trình độ/Thang điểm |
|-----|------------------------------------|--|--|
| 1 | Tiếng Anh | TOEFL iBT | Từ 46 trở lên |
| | | IELTS | Từ 5.5 trở lên |
| | | Cambridge Assessment English | B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên |
| | | Aptis ESOL international Certificate | Từ bậc 4 trở lên |
| | | Pearson English International Certificate (PEIC) | Từ bậc 4 trở lên |
| | | Pearson Test of English Academic (PTE Academic) | Từ bậc 4 trở lên |
| 2 | Tiếng Pháp | CIEP/Alliance française diplomas | TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue |
| 3 | Tiếng Đức | Goethe -Institut | Goethe- Zertifikat B2 trở lên |
| | | The German TestDaF language certificate | TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên |
| 4 | Tiếng Trung Quốc | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK level 4 trở lên |
| 5 | Tiếng Nhật | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N3 trở lên |
| 6 | Tiếng Nga | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language) | ТРКИ-2 trở lên |
| 7 | Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác | Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam | Từ bậc 4 trở lên |

Ghi chú:

- Chứng chỉ Aptis ESOL được cấp bởi các công ty hoặc tổ chức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại các Quyết định: Quyết định số 3646/QĐ-BGDĐT ngày 11/11/2022; Quyết định số 4418/QĐ-BGDĐT ngày 22/12/2023; Quyết định số 3043/QĐ-BGDĐT ngày 21/10/2024. Chứng chỉ Aptis ESOL được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại Quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2023;

- Chứng chỉ PEIC được cấp bởi Tập đoàn Giáo dục Pearson được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định số 868/QĐ-BGDĐT ngày 22/3/2023. Chứng chỉ PEIC được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại Quyết định số 93/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024;

- Chứng chỉ PTE Academic được cấp bởi Tập đoàn Giáo dục Pearson được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại các Quyết định: Quyết định số 1568/QĐ-BGDĐT ngày 05/6/2024; Quyết định số 3675/QĐ-BGDĐT ngày 25/11/2024; Quyết định số 3896/QĐ-BGDĐT ngày 06/12/2024; Quyết định số 641/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2025; Quyết định số



[Handwritten signature]

1131 ngày 24/4/2025. Chứng chỉ PTE Academic được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại Quyết định số 2383/ QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2024.

- Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT Home Edition không được công nhận trong tuyển sinh và đào tạo sau đại học.

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a mục này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b mục này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c mục này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của Trường.

4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ

- Người dự tuyển liên hệ với Phòng Đào tạo - Trường Đại học Khoa học để nhận mẫu Hồ sơ đăng ký dự tuyển; Kê khai, xác nhận, hoàn chỉnh hồ sơ; Nộp 02 bộ hồ sơ cho Trường đúng thời gian quy định.

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển: từ ngày phát hành Thông báo tuyển sinh đến ngày 25/4/2026.

5. Liên hệ nộp hồ sơ

Phòng Đào tạo - Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, phường Phan Đình Phùng - tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại liên hệ: 0854045999; 0856638222.

Thông tin tuyển sinh có thể xem trên trang web: <https://tnus.edu.vn>; <https://sdh.tnus.edu.vn> và <https://www.facebook.com/SDH.TNUS>.

Nơi nhận:

- Các sở, ban ngành, trường học;
- Website;
- QLVB;
- Lưu: VT, ĐT.



PGS.TS. Phạm Thế Chính